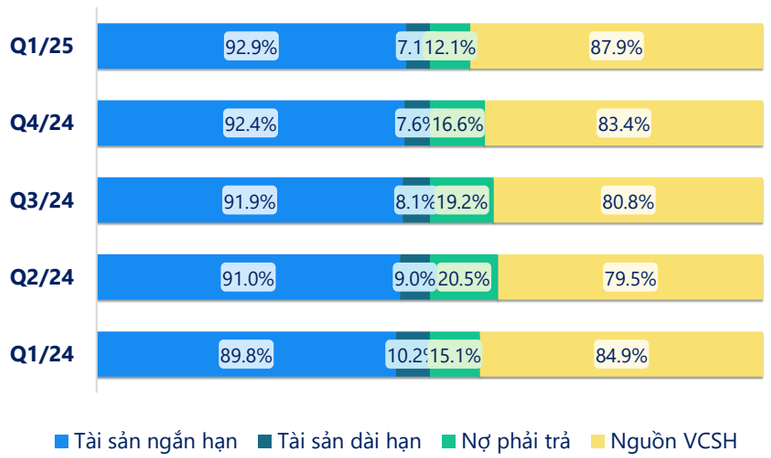
FireAnt

CTCP Logistics Vicem (HSX: HTV)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	9,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,990
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,072
SL cổ phiếu LH	13,104,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,955
% sở hữu nước ngoài	5.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	121
P/E	13.2
EPS	697

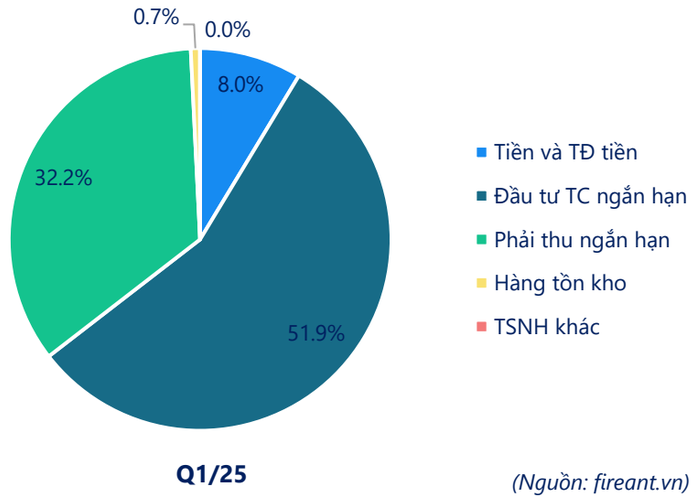
	YTD	1T	3T	6T
HTV	0.0%	-0.3%	-3.1%	-7.1%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



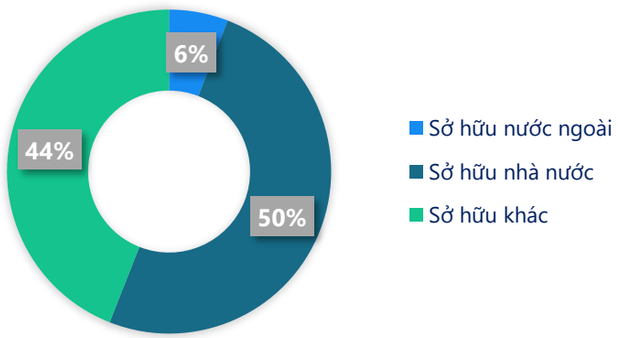
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



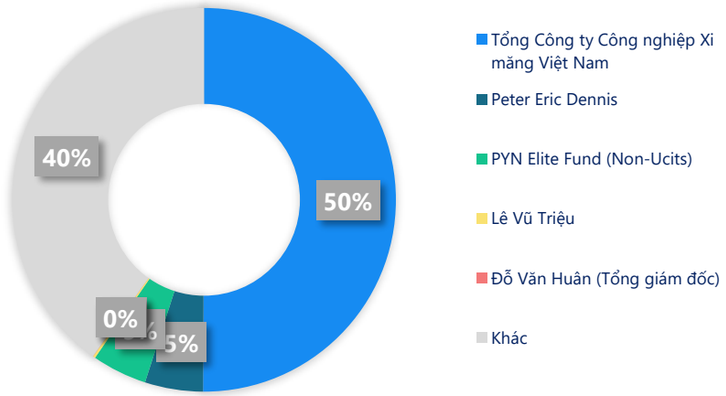
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



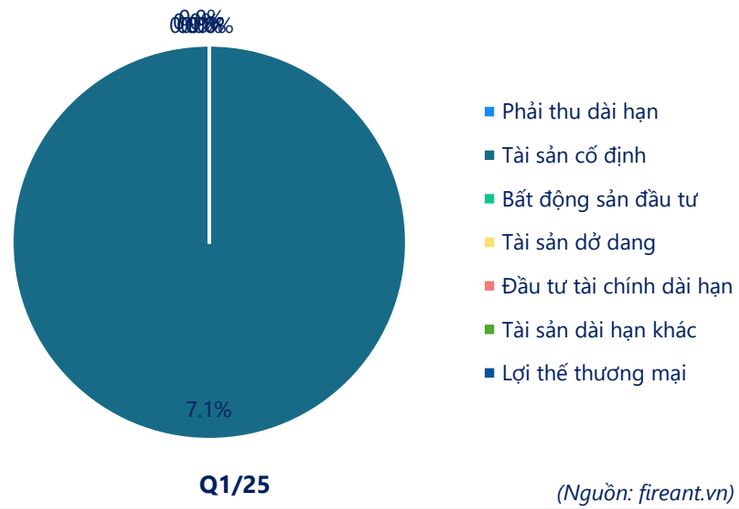
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

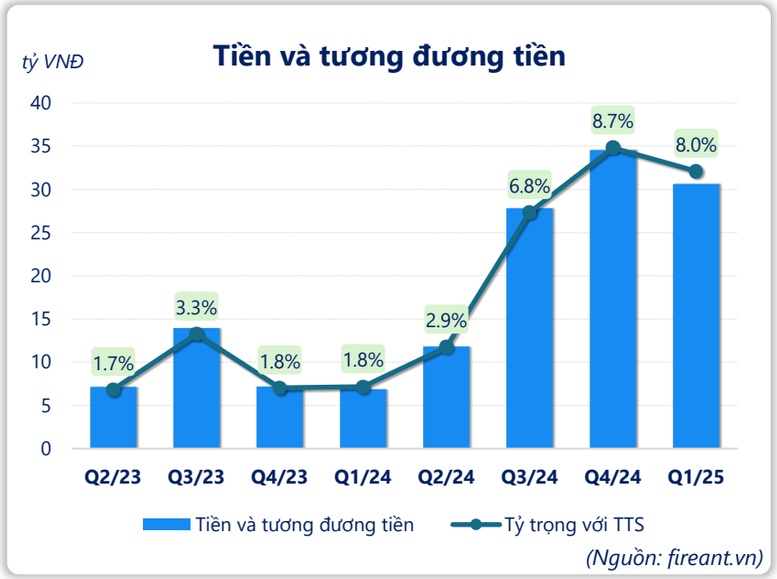
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



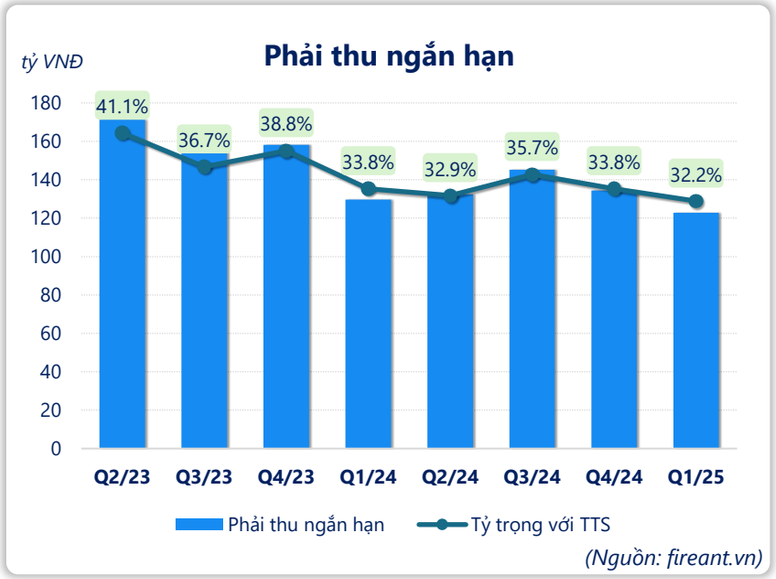
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

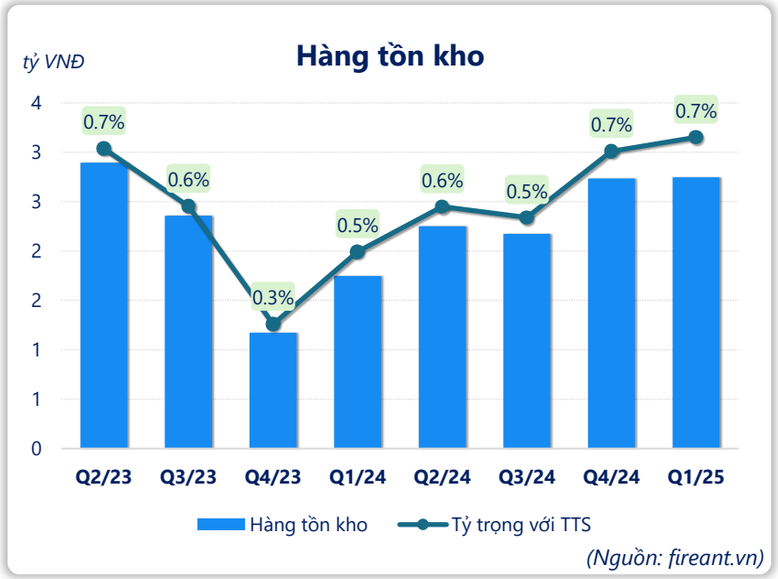
CTCP Logistics Vicem (HSX: HTV)



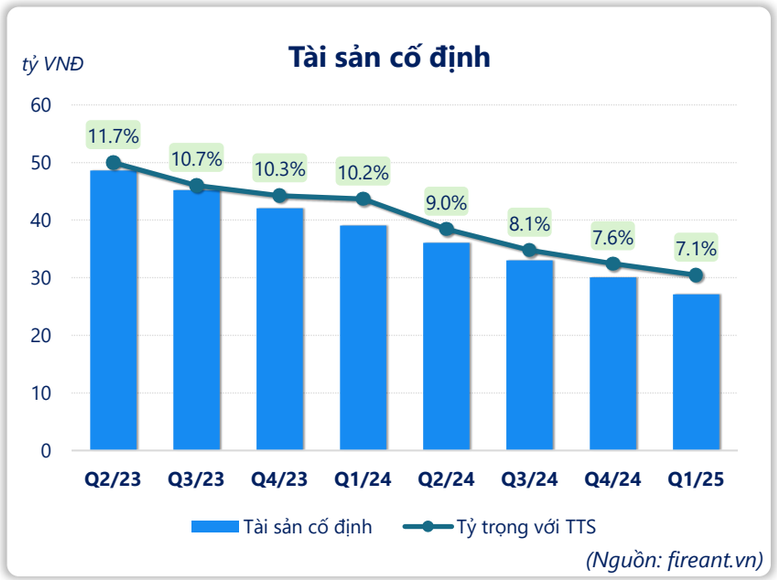
(Nguồn: fireant.vn)



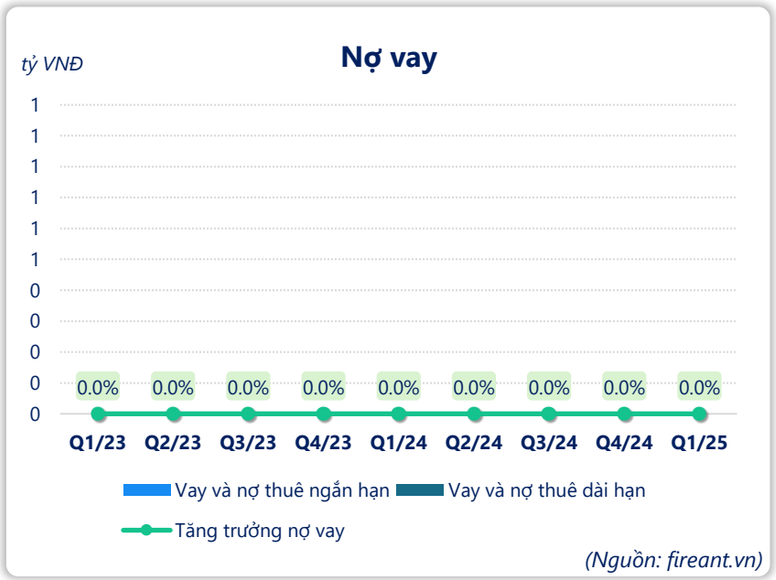
(Nguồn: fireant.vn)



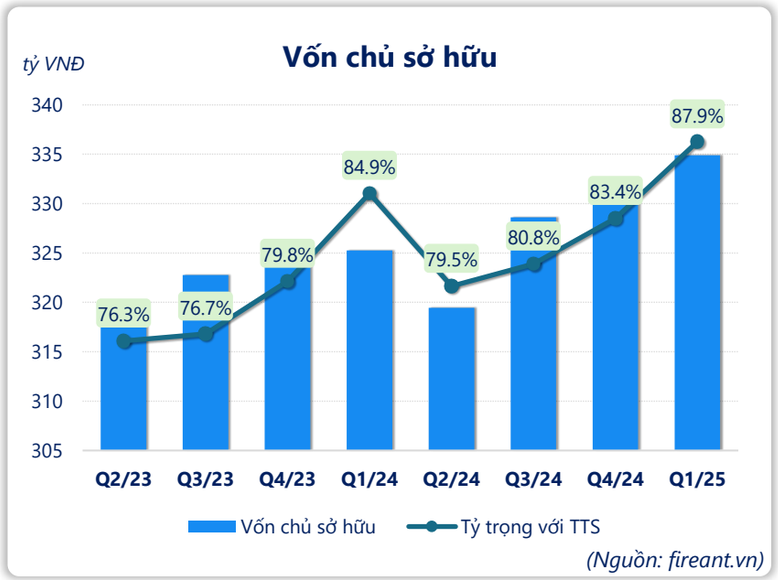
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

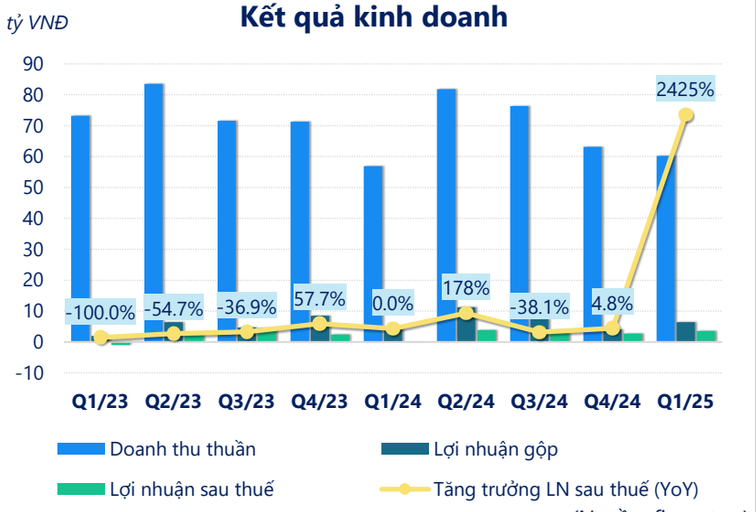


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

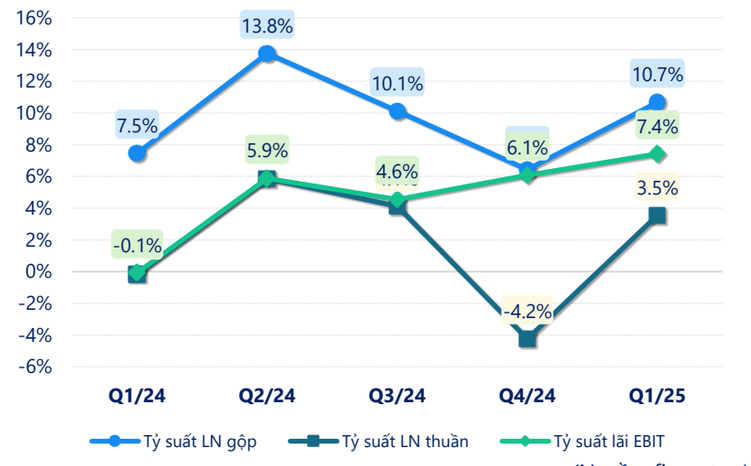
CTCP Logistics Vicem (HSX: HTV)

Kết quả kinh doanh



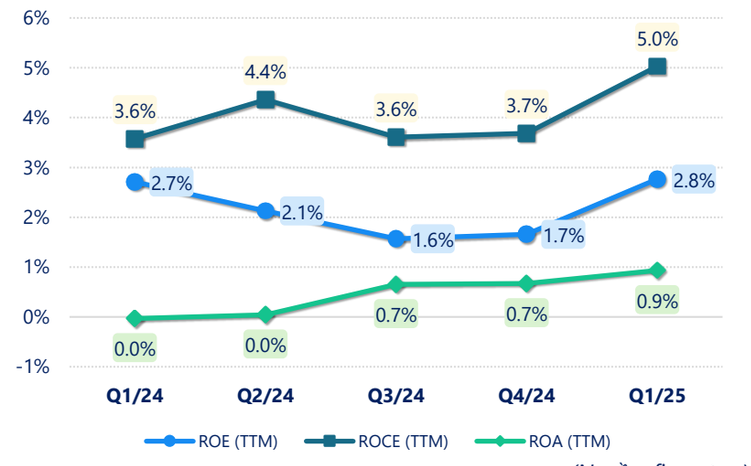
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



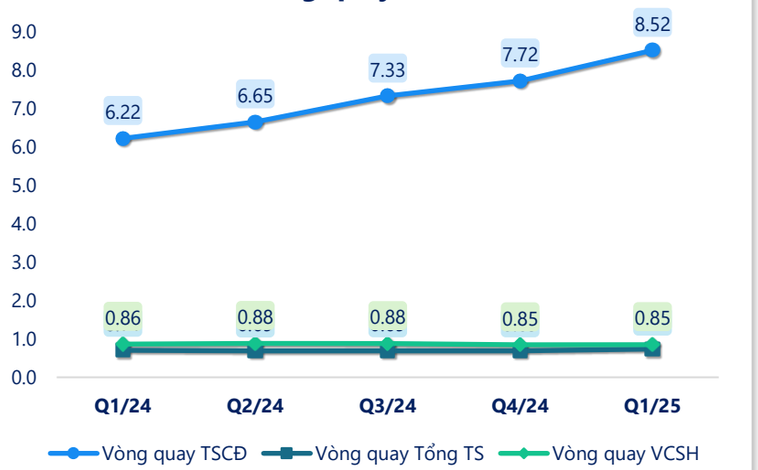
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



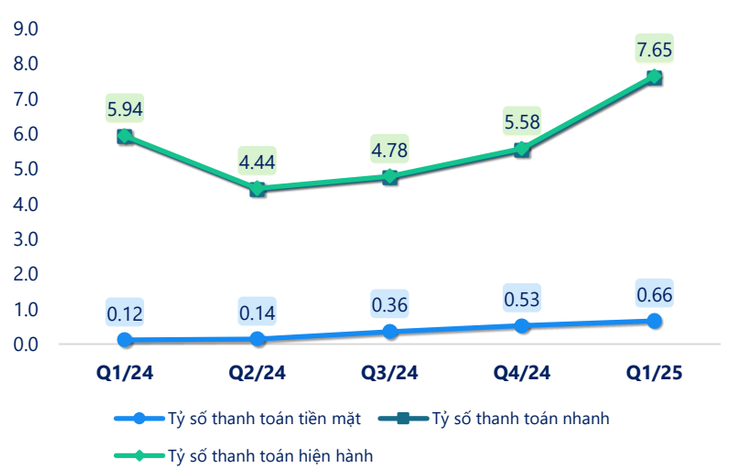
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



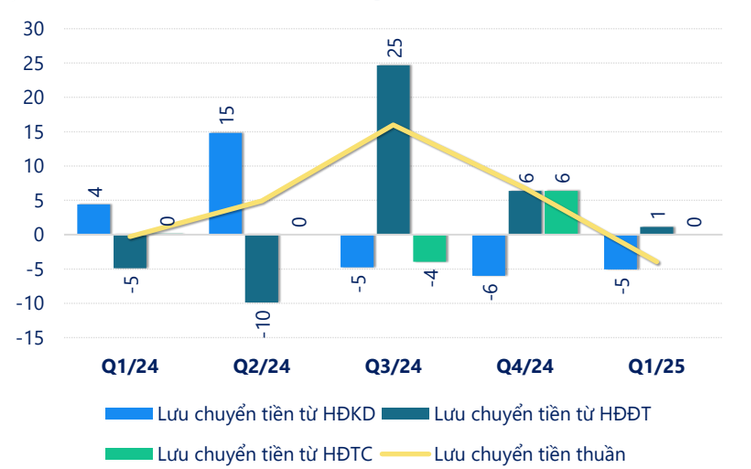
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Logistics Vicem (HSX: HTV)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**381**	**397**	**-4.0%**
Tài sản ngắn hạn	354	367	-3.5%
Tiền và tương đương tiền	30.6	34.5	-11.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	198	195	1.6%
Phải thu ngắn hạn	123	134	-8.6%
Hàng tồn kho	2.75	2.73	0.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.54	-94.8%
Tài sản dài hạn	**27.1**	**30.1**	**-9.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	27.1	30.1	-9.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	46.3	65.8	-29.8%
Nợ ngắn hạn	**46.3**	**65.8**	**-29.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	26.3	45.9	-42.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**335**	**331**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**335**	**331**	**1.1%**
Vốn điều lệ	131	131	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	56.9	81.8	76.4	63.2	60.2
Giá vốn hàng bán	52.7	70.6	68.6	59.1	53.8
Lợi nhuận gộp	4.25	11.3	7.73	4.07	6.43
Doanh thu HĐTC	2.79	2.34	2.52	2.27	2.71
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	7.13	8.80	7.11	9.02	7.00
LN thuần từ HĐKD	-0.09	4.80	3.15	-2.68	2.13
Lợi nhuận khác	0.05	0.01	0.33	6.52	2.34
LN trước thuế	-0.04	4.81	3.48	3.84	4.47
Lợi nhuận sau thuế	-0.08	3.89	2.78	2.70	3.59
LNST của CĐ cty mẹ	-0.12	0.17	2.70	2.70	3.57

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.42	14.8	-4.74	-5.99	-5.08
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.87	-9.87	24.7	6.37	1.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.16	0	-3.93	6.38	0
Tiền đầu kỳ	7.16	6.87	11.8	27.8	34.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.29**	**4.93**	**16.0**	**6.76**	**-3.95**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.87	11.8	27.8	34.5	30.6

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic